

Đắk Nông, ngày tháng 7 năm 2023

Số: /BC-ĐGS

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh về “kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” (sau đây viết tắt là Đoàn giám sát).

Đoàn giám sát đã trực tiếp làm việc với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố; đồng thời, tổ chức khảo sát thực tế một số mô hình về phát triển nông nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở giám sát trực tiếp các cơ quan, đơn vị, địa phương và qua báo cáo của UBND tỉnh, Đoàn giám sát báo cáo kết quả như sau:

A. VIỆC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH GIÁM SÁT VÀ CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIÁM SÁT

Ngày 11/01/2023, Đoàn giám sát tổ chức họp với các Sở, ngành có liên quan để góp ý, hoàn thiện đề cương báo cáo giám sát chuyên đề năm 2023 và ngày 12/01/2023 Đoàn giám sát gửi đề cương hướng dẫn¹ để UBND tỉnh chỉ đạo, tổng hợp báo cáo gửi đến Đoàn giám sát **trước ngày 28/02/2023**.

Ngày 09/3/2023, Đoàn giám sát nhận được Báo cáo số 137/BC-UBND của UBND tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh. Qua rà soát sơ bộ báo cáo còn thiếu một số nội dung theo đề cương hướng dẫn nên Đoàn giám sát đã ban hành Công văn số 39/HĐND-ĐGS ngày 26/3/2023 đề nghị UBND tỉnh bổ sung, làm rõ thêm 08 nội dung. Ngày 07/4/2023, UBND tỉnh gửi Công văn số 1760/UBND-NNTNMT bổ sung, giải trình một số nội dung báo cáo giám sát chuyên đề còn thiếu. Tuy nhiên, nội dung báo cáo bổ sung chưa làm rõ các ưu

¹ Việc ban hành đề cương hướng dẫn chậm 12 ngày so với Kế hoạch theo Nghị quyết thông qua.

điểm, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm cụ thể từng Nghị quyết. Sau đó, Đoàn giám sát tổ chức giám sát trực tiếp UBND các huyện, thành phố và các Sở, Ban, ngành có liên quan. Qua làm việc, Đoàn giám sát đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo bổ sung một số nội dung chưa rõ theo đề cương hướng dẫn. Nhưng một số đơn vị không gửi báo cáo dù đã đôn đốc, nhắc nhở nên Đoàn giám sát đã có Công văn số 83/HĐND-ĐGS ngày 16/5/2023 phê bình một số huyện, thành phố chậm thực hiện báo cáo làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch giám sát².

Tính đến ngày 09/6/2023 các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã bổ sung đầy đủ các báo cáo³; đồng thời, do trùng thời gian tổ chức Kỳ họp chuyên đề lần thứ 7 HĐND tỉnh nên việc triển khai giám sát bị ảnh hưởng, không đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.

B. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, Ban, ngành và chính quyền địa phương các cấp tích cực phổ biến, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 05/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh; đồng thời xây dựng và thực hiện các chương trình giới thiệu, tuyên truyền về sản xuất nông nghiệp, các tiên bộ mới, các mô hình ứng dụng công nghệ cao hiệu quả, các gương điển hình tiên tiến trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Bên cạnh đó, đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các Chỉ thị⁴ chỉ đạo triển khai. Đồng thời, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể⁵. Ngoài ra, UBND tỉnh đã phê duyệt 02 Đề án⁶, ban hành 02 Kế hoạch⁷ và thành lập Ban Chỉ đạo⁸ để phân công lãnh đạo và triển khai thực hiện.

C. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp (TCCNNN) theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu

Theo báo cáo, giai đoạn đến năm 2020 có 11 mục tiêu chi tiết đạt, 01 mục tiêu vượt và 12 mục tiêu chi tiết không đạt theo nghị quyết đề ra, cập nhật đến năm 2022

² UBND các huyện: Tuy Đức, Đắk R'lấp, Đắk Song, Krông Nô, Đắk Mil và thành phố Gia Nghĩa.

³ Một số đơn vị gửi chậm báo cáo bổ sung như: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện Đắk Glong...

⁴ Chỉ thị số 42-CT/TU ngày 12/8/2019 và Chỉ thị số 43-CT/TU ngày 12/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

⁵ - Đối với Nghị quyết số 05/NQ-HĐND được cụ thể hóa thành 45 nhiệm vụ giao các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố tại Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh;

- Đối với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND được cụ thể hóa thành 22 nhiệm vụ giao các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh.

⁶ Cụ thể: (1) Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. (2) Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

⁷ Cụ thể: (1) Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. (2) Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

⁸ Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

có thêm 04 mục tiêu chi tiết đạt so với chỉ tiêu đến năm 2030 (*chi tiết theo phụ lục số 1 đính kèm*).

Căn cứ mục tiêu Nghị quyết đề ra, đến năm 2020 các chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng tăng mạnh các lĩnh vực nông nghiệp, đến năm 2030 giảm dần lĩnh vực trồng trọt, dịch vụ nông nghiệp, thủy sản và tăng lĩnh vực chăn nuôi, lâm nghiệp. Qua giám sát nhận thấy đa số các chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng đến năm 2020 đều không đạt (chỉ có 01 chỉ tiêu về lâm nghiệp vượt mạnh với tỷ lệ 29,99%/1,9%) do chủ yếu từ 02 doanh nghiệp lĩnh vực sản xuất, chế biến gỗ và một số yếu tố đột biến khác.

- Đối với chỉ tiêu cơ cấu nội ngành nông nghiệp đến năm 2020 chuyển dịch cơ bản đúng định hướng, giảm trồng trọt, tăng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp. Tuy nhiên, cơ cấu lĩnh vực trồng trọt đến năm 2022 có xu hướng tăng lại như năm 2018; cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi tăng nhanh nhưng chưa đúng định hướng Nghị quyết⁹.

- Đối với chỉ tiêu giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân là 72,63 triệu/ha, đạt thấp so với mục tiêu đề ra, đến năm 2020 là 140 triệu/ha, như vậy cho thấy, dù tốc độ tăng trưởng đạt nhưng chủ yếu do tăng về mặt khối lượng, giá trị sản phẩm nông nghiệp chưa cao; đồng thời chỉ tiêu giá trị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đạt thấp, chỉ đạt 1,5%/7%-10% so chỉ tiêu đề ra đến năm 2020.

- Đối với chỉ tiêu tổng diện tích rừng trồng đánh giá đạt và vượt, tuy nhiên qua Báo cáo số 134/BC-HĐND ngày 16/12/2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách về kết quả giám sát trồng rừng giai đoạn 2010-2021 trên địa bàn thì chất lượng rừng trồng một số đơn vị không đạt, đất quy hoạch trồng rừng bị lấn, chiếm nhiều.

2. Kết quả thực hiện các nội dung

Theo báo cáo, giai đoạn đến năm 2020 có 13 nội dung chi tiết đạt và 36 mục tiêu không đạt theo nghị quyết đề ra (*chi tiết theo phụ lục số 2 đính kèm*). Qua rà soát nội dung tái cơ cấu, cho thấy:

- Đa số nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh phát triển chưa theo định hướng đề ra (cụ thể là cây cà phê, điều, cao su), chỉ có cây hồ tiêu phát triển theo định hướng nhưng còn chậm; đến năm 2022, chỉ tiêu diện tích và năng suất vẫn không đạt so với chỉ tiêu đề ra của năm 2020.

- Đối với nhóm sản phẩm tiềm năng (cây dược liệu, cây mắc ca): Cây dược liệu định hướng hình thành các vùng trồng tại huyện Cư Jú, Đăk Glong và Đăk R'láp nhưng kết quả phát triển chưa theo định hướng; cây mắc ca phát triển đúng định hướng nhưng còn chậm.

- Đối với nhóm sản phẩm chủ lực cấp huyện cơ cấu cây ngô và cây khoai lang phát triển chưa đúng định hướng; cây lúa phát triển đúng định hướng nhưng còn chậm; cây ăn quả vượt chỉ tiêu đề ra.

- Đối với tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi (đàn bò và đàn lợn) phát triển chưa đúng định hướng, đặc biệt đàn lợn quy mô đang tăng mạnh có khả năng sẽ phá vỡ

⁹ Vì chỉ tiêu phát triển đàn bò định hướng tăng quy mô nhưng thực hiện đến năm 2020 lại giảm xuống không đúng định hướng, còn đàn lợn định hướng giảm quy mô xuống thì tăng mạnh.

ơ cấu ngành nông nghiệp, mật độ chăn nuôi và cơ cấu các ngành khác, có thể ảnh hưởng đến các yếu tố môi trường, du lịch...¹⁰.

- Đối với tái cơ cấu lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp, tuy có tăng nhưng còn chậm và không đạt chỉ tiêu đề ra, ảnh hưởng đến quá trình tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp bền vững và định hướng cho người dân phát triển nông nghiệp.

- Đối với tái cơ cấu lĩnh vực ngành lâm nghiệp cơ bản đảm bảo đúng định hướng, tuy nhiên qua giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh công tác quản lý và bảo vệ rừng còn nhiều phức tạp, diện tích đất nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương gặp vướng mắc kéo dài nhiều năm nhưng chưa được xử lý¹¹.

- Đối với tái cơ cấu ngành thủy sản, tuy có tăng nhưng còn chậm và không đạt chỉ tiêu đề ra, do đây không phải là thế mạnh của địa phương và chiếm tỷ trọng nhỏ; vì vậy, đối với những địa bàn có ưu thế, cần định hướng phát triển để bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp.

3. Kết quả thực hiện các giải pháp

Để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết, UBND tỉnh đã cụ thể hóa thành 45 nhiệm vụ giao tại Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 16/10/2018. Theo Báo cáo có 17/45 nhiệm vụ đã hoàn thành, 01 nhiệm vụ chưa hoàn thành và 27/45 nhiệm vụ đang tiếp tục triển khai thực hiện.

Qua rà soát, có 09 nhiệm vụ báo cáo đã hoàn thành là chưa sát với nhiệm vụ được giao¹², thực tế một số nhiệm vụ có triển khai nhưng chưa đạt được kết quả cuối cùng hoặc do quy định pháp luật thay đổi nên không thể triển khai¹³; 27 nhiệm vụ đánh giá tiếp tục triển khai nhưng chưa làm rõ kết quả cụ thể từng năm để có cơ sở tiếp tục triển khai. Đồng thời, qua rà soát 15 giải pháp trong nội dung Nghị quyết có những giải pháp triển khai chưa đạt hiệu quả như:

¹⁰ - Đàn Bò định hướng phát triển tăng quy mô đàn lên 40.975 con , kết quả tổng đàn giảm mạnh; cụ thể: (1) Năm 2020: 24.260 con (giảm 8.991 con so với năm 2018); (2) Năm 2022: 27.400 con (giảm 5.851 con so với năm 2018); - Đàn lợn định hướng phát triển giảm quy mô đàn xuống 125.000 con , kết quả tổng đàn tăng mạnh; cụ thể: (1) Năm 2020: 197.810 con (tăng 23.322 con so với năm 2018); (2) Năm 2022: 450.800 con (tăng 276.312 con so với năm 2018);

¹¹ Tại Báo cáo 08/BC-HĐND ngày 30/3/2023 của HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đối với diện tích đất thu hồi từ các Công ty nông, lâm nghiệp và Nông, lâm trường giao về địa phương.

¹² - Như các nhiệm vụ giao Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện “*Xây dựng Đề án đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp tạo động lực tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*”, “*Xây dựng phương án tổng thể phục hồi, cải tạo đất trồng trọt trên địa bàn tỉnh*”, “*Xây dựng Đề án phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035*”, “*Xây dựng Đề án nâng cao năng lực hoạt động khuyến nông*”, “*Xây dựng Đề án nâng cao năng lực hoạt động bảo vệ thực vật*”... đánh giá hoàn thành nhiệm vụ này cần phải có các bước triển khai đề án và kết quả thực hiện đề án để đạt được các mục tiêu, nội dung mà Nghị quyết đã thông qua;

- Nhiệm vụ “*Nghiên cứu, xây dựng Đề án nâng cao năng lực quản lý hoạt động lâm nghiệp*” báo cáo hoàn thành vì đã xây dựng trình Hội đồng thẩm định 942 của UBND tỉnh, tuy nhiên kết quả Hội đồng thẩm định không đồng ý với đề án để trình HĐND tỉnh xem xét, phê duyệt. Do đó, nhiệm vụ này phải đánh giá chưa hoàn thành và làm rõ nguyên nhân, giải pháp.

- Các nhiệm vụ giao Sở Công thương “*Rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng mới quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ cho nông nghiệp: chế biến nông sản, thức ăn chăn nuôi, công nghệ giảm tổn thất sau thu hoạch*”, nhiệm vụ giao Sở Nông nghiệp và PTNT “*Triển khai thực hiện các quy hoạch đã phê duyệt về nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản*”, nhiệm vụ giao UBND các huyện, thành phố “*Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tiếp tục rà soát bổ sung các quy hoạch cấp xã, lồng ghép giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu vào các quy hoạch; tăng cường quản lý và thực hiện đúng các quy hoạch đã được phê duyệt*” đều không thực hiện do trái với Luật Quy hoạch nhưng vẫn báo cáo đánh giá là hoàn thành.

¹³ Như:

- Một số nhiệm vụ như giao UBND các huyện, thành phố “*Ban hành kịp thời các chủ trương, cơ chế chính sách của huyện (nếu có) hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản phù hợp với diễn biến tình hình thực tế, nhất là diễn biến; về giá cả, thị trường tiêu thụ các nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh*” là không phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 nhưng vẫn đánh giá tiếp tục triển khai thực hiện;

- Nhiệm vụ giao Sở Tài nguyên và Môi trường “*Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng quy định về dồn điền, đổi thửa ruộng đất nông nghiệp, thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013*” thời gian hoàn thành năm 2019, đến nay chưa hoàn thành nhưng vẫn đánh giá là tiếp tục triển khai thực hiện.

- “Đào tạo nông dân và lao động nông thôn theo hướng chuyên nghiệp, hướng ngành nghề, chuyên sâu, có kỹ năng và trình độ”: Theo báo cáo đào tạo được 6.850 lao động nông thôn nhưng thực tế số lao động này đa số mang tính phổ thông, chưa theo hướng chuyên nghiệp, hướng ngành nghề, chuyên sâu, có kỹ năng và trình độ.

- “Xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường, gắn sản xuất với tiêu thụ một cách bền vững”: Theo báo cáo các hoạt động xúc tiến thương mại hàng năm nhiều nhưng thực tế việc gắn sản xuất với tiêu thụ một cách bền vững thì còn hạn chế; do chất lượng, số lượng các sản phẩm nông nghiệp không ổn định nên việc tiêu thụ bền vững gặp nhiều khó khăn và chưa có nhà máy chế biến công suất lớn trên địa bàn.

- “Nâng cao hiệu quả của quản lý Nhà nước trong phát triển nông nghiệp và sử dụng đầu tư công”: Theo báo cáo đã sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức và thường xuyên đôn đốc chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Qua thực tế những năm gần đây chất lượng một số công trình vốn đầu tư công lĩnh vực nông nghiệp còn nhiều vấn đề được cử tri phản ánh¹⁴.

- “Đổi mới hoạt động quản lý Nhà nước để hỗ trợ cho doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp. Hình thành các quỹ hoạt động cho các hoạt động dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp, từng bước hình thành các trung tâm dịch vụ nông nghiệp tại các huyện, thị xã”: Theo báo cáo đã chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính và từng bước hình thành các trung tâm nông nghiệp tại các huyện đủ năng lực chuyên môn. Tuy nhiên, qua giám sát của Ban Pháp chế HĐND tỉnh, các Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp tại các huyện hiện nay hoạt động còn nhiều khó khăn, vướng mắc¹⁵.

4. Kết quả bố trí các nguồn kinh phí

Qua báo cáo “Ngân sách tỉnh phân bổ triển khai thực hiện Đề án khoảng 10,5 tỷ đồng¹⁶ (chiếm 0,26%). Bên cạnh đó, lồng ghép nguồn vốn đầu tư từ các dự án¹⁷ với kinh phí thực hiện giải ngân 1.048 tỷ đồng¹⁸. Ngoài ra, các Sở, Ban, ngành và địa phương lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công để tổ chức triển khai thực hiện”.

Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh và khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 quy định “Trong đó, **vốn ngân sách không phải là vốn đầu tư mới, mà được tính**

¹⁴ như: Công trình thủy lợi Suối Đá – Quảng Hòa, Hồ chứa nước Đắc N’ting, các công trình nước sạch nông thôn, công trình bờ kè bảo vệ dân cư và vùng trọng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô, công trình thủy lợi Quảng Lộc – Đắc R’láp...

¹⁵ Tại Báo cáo số 06/BC-HĐND ngày 09/3/2023 của Ban Pháp chế về kết quả giám sát việc quản lý, sử dụng cán bộ công chức, viên chức gắn với đề án vị trí việc làm tại một số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

¹⁶ Ngân sách đầu tư chủ yếu cho việc: Xây dựng các Đề án; Chương trình phát triển giống bò thịt chất lượng cao trên địa bàn tỉnh; Chương trình phát triển kênh sản xuất, phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông sản theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp bền vững đạt chứng nhận VietGap; các mô hình; xây dựng quy trình; Dự án Lai thử nghiệm giống bò BBB...

¹⁷ Như: Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) tỉnh Đắc Nông; Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên; Tiểu dự án nâng cao an toàn đập (WB8); Dự án cấp bách sắp xếp ổn định dân cư tự do, ổn định an ninh chính trị khu vực biên giới xã Quảng Trực và xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức; Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây nguyên và Nam Trung bộ (dự án SACCR) tỉnh Đắc Nông;...

¹⁸ Cụ thể: (1) Năm 2018: 274,576 tỷ đồng, trong vốn ODA là 249,391 tỷ đồng, ngân sách trung ương 9,288 tỷ đồng và ngân sách địa phương 15,958 tỷ đồng. (2) Năm 2019: 290,91 tỷ đồng, trong vốn ODA là 211,199 tỷ đồng, ngân sách trung ương 56,292 tỷ đồng và ngân sách địa phương 23,418 tỷ đồng. (3) Năm 2020: 184,557 tỷ đồng, trong vốn ODA là 132,612 tỷ đồng, ngân sách trung ương 31,07 tỷ đồng và ngân sách địa phương 20,875 tỷ đồng. (4) Năm 2021: 208,285 tỷ đồng, trong vốn ODA là 154,063 tỷ đồng, ngân sách trung ương 37,365 tỷ đồng và ngân sách địa phương 16,857 tỷ đồng. (5) Năm 2022: 90,027 tỷ đồng, trong vốn ODA là 76,527 tỷ đồng, ngân sách trung ương 12 tỷ đồng và ngân sách địa phương 1,5 tỷ đồng.

toán lồng ghép từ các chương trình mục tiêu do Trung ương đã phân bổ cho tỉnh theo kế hoạch trung hạn 2016-2020, các dự án đã và đang thực hiện trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới, xây dựng cơ sở hạ tầng...". Trong đó, phân theo nội dung thực hiện đầu tư chỉ có: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định, vốn đầu tư sửa chữa nâng cấp tài sản cố định, vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động, vốn đầu tư khác¹⁹. Do đó, việc ngân sách tỉnh đã bố trí chi thường xuyên nguồn sự nghiệp 10,5 tỷ đồng để thực hiện một số nội dung chi thường xuyên như tuyên truyền, tập huấn, đào tạo, xây dựng đề án, mua sắm... là chưa phù hợp với nội dung bố trí nguồn lực theo Nghị quyết quy định²⁰. Nội dung này vướng mắc nhưng các cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn triển khai, chưa đề xuất sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Qua rà soát ngân sách tỉnh có chi xây dựng một đề án, kế hoạch phát triển lĩnh vực nông nghiệp, tuy nhiên một số đề án đến nay chưa được áp dụng hoặc chưa đảm bảo nguồn lực để triển khai²¹ dẫn đến hiệu quả sử dụng còn thấp. Đồng thời, qua rà soát tổng dự toán đã bố trí cho Sở Nông nghiệp và PTNT là 14,392 tỷ đồng²², điều chỉnh giảm dự toán qua nhiệm vụ khác là 5,261 tỷ đồng, hủy dự toán là 256 triệu đồng, số còn lại quyết toán là 8,866 tỷ đồng. Đoàn giám sát nhận thấy trong điều kiện nguồn lực khó khăn nhưng việc quản lý, sử dụng dự toán hiệu quả chưa cao²³.

II. Kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu

Qua báo cáo, giai đoạn đến năm 2020 cả 03 mục tiêu theo nghị quyết đề ra đều không đạt. Cập nhật đến năm 2022 đã công nhận được 04 vùng NNUDCNC với tổng diện tích là 2.423 ha, so với mục tiêu giai đoạn 2021-2025 là 20 vùng và lũy kế đến 2025 phải đạt 23 vùng; Công nhận được 01 doanh nghiệp NNUDCNC, lũy kế có 02

¹⁹ Phân loại vốn đầu tư có nguồn sự nghiệp cũng không còn phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Luật Đầu tư công năm 2019.

²⁰ Tại Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp chi giao Sở Tài chính “- **Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản.**

- **Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh chủ trương đầu tư và bố trí vốn đầu tư các dự án đầu tư công để đẩy nhanh tốc độ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản”.**

²¹ Chi xây dựng một số đề án như:

- “Xây dựng Đề án đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp tạo động lực tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030” với số tiền 470 triệu đồng;

- “Xây dựng phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt trên diện tích tiêu chết” với số tiền 1.400 triệu đồng;

- “Xây dựng Đề án phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035” với số tiền 300 triệu đồng;

- “Chương trình phát triển giống bò thịt chất lượng cao trên địa bàn tỉnh” với số tiền 160 triệu đồng;

- “Xây dựng Chương trình phát triển kênh sản xuất, phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông sản theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” với số tiền là 188 triệu đồng;

- “Xây dựng Đề án nâng cao năng lực hoạt động khuyến nông” với số tiền 200 triệu đồng;

- “Kinh phí Xây dựng Đề án nông nghiệp hữu cơ” với số tiền là 450 triệu đồng;

- “Xây dựng Đề án nâng cấp hệ thống thông tin thị trường nông sản với số tiền 470 triệu đồng” nhưng chưa có hệ thống thông tin thị trường nông sản mà đã thực hiện chi xây dựng đề án nâng cấp là không phù hợp và đến nay chưa có hệ thống thông tin thị trường nông sản của tỉnh nên đề án nâng cấp vẫn chưa được áp dụng.

²² Loại trừ kinh phí xây dựng đề án vì trước khi Nghị quyết ban hành và có hiệu lực từ ngày 25/7/2018.

²³ Tỷ lệ điều chỉnh giảm dự toán và hủy dự toán còn cao chiếm đến 39%/ số dự toán được bố trí. Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp - PTNT và Sở Tài chính có giải trình nguyên nhân do đại dịch COVID-19 tuy nhiên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ quy định chi cắt giảm 50% kinh phí hội nghị, công tác và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên đối với số kinh phí còn lại chưa giải ngân tính đến ngày 15/6/2021. Do đó, chỉ có năm 2021 nếu chậm giải ngân trong 6 tháng đầu năm sẽ bị cắt giảm kinh phí và chủ yếu là kinh phí hội nghị với công tác phí.

doanh nghiệp so với mục tiêu giai đoạn 2021-2025 là 3-4 doanh nghiệp và lũy kế đến 2025 phải có 6-7 doanh nghiệp (*chi tiết theo phụ lục số 3 đính kèm*).

Một số vùng được công nhận NNUDCNC chủ yếu là do người dân tập trung đầu tư hình thành²⁴. Một số vùng nằm trong định hướng quy hoạch theo Nghị quyết đề ra, tuy nhiên đến nay chưa được công nhận do chưa được NSNN tập trung đầu tư và cũng chưa thu hút được các doanh nghiệp lớn vào để đầu tư. Có 02 doanh nghiệp NNUDCNC²⁵ được công nhận nhưng chủ yếu lĩnh vực sản xuất, chế biến gỗ.

2. Kết quả thực hiện các nội dung quy hoạch

Theo báo cáo, kết quả lựa chọn đối tượng, địa bàn, quy mô và định hướng phát triển vùng NNUDCNC đến năm 2035: Đã hỗ trợ các địa phương và đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ 03 vùng đề nghị công nhận nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao²⁶; hỗ trợ khảo sát, lập kế hoạch hình thành các vùng sản xuất tập trung để làm cơ sở hình thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với 12 vùng, với quy mô 5.140 ha.

Qua giám sát nhận thấy, chỉ có vùng sản xuất lúa ứng dụng công nghệ cao Buôn Choah là đúng lựa chọn đối tượng đặc thù của huyện theo Nghị quyết đề ra; còn lại các loại rau, ngô và đậu tương đến nay vẫn chưa thực hiện được. Ngoài ra, theo nội dung Nghị quyết về lựa chọn địa bàn và quy mô thì các huyện, thành phố đều định hướng phát triển NNUDCNC chủ yếu là cây cà phê và hồ tiêu. Tuy nhiên do đặc điểm người dân chủ yếu đầu tư theo xu hướng thời giá của nông sản nên còn mang tính chất dàn trải, dẫn đến khó tập trung bố trí các nguồn lực thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu và định hướng đề ra.

3. Kết quả thực hiện các giải pháp

Để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết, UBND tỉnh đã cụ thể hóa thành 22 nhiệm vụ tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2019. Theo báo cáo trong 22 nhiệm vụ giao, đến nay có 08/22 nhiệm vụ đã hoàn thành và 14/22 nhiệm vụ tiếp tục triển khai thực hiện.

Qua rà soát một số nhiệm vụ báo cáo đã hoàn thành là chưa sát với nhiệm vụ được giao²⁷, thực tế một số nhiệm vụ có triển khai nhưng chưa đạt đến kết quả cuối

²⁴ Vùng hồ tiêu ứng dụng công nghệ cao Thuận Hà, Đắk Song với quy mô 416,4 ha tại Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 26/01/2021; Vùng hồ tiêu ứng dụng công nghệ cao Thuận Hạnh, Đắk Song với quy mô 1.133 ha tại Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 26/01/2021.

²⁵ 02 doanh nghiệp (gồm: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ MDF BISON tại Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 và Công ty Cổ phần ván công nghệ cao BISON tại Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 03/12/2021).

²⁶ gồm: (1) Vùng cà phê Nam Bình, huyện Đắk Song với tổng diện tích đề xuất 450 ha, 200 hộ tham gia; (2) Vùng sản xuất ngô Đức Xuyên, huyện Krông Nô với tổng diện tích 300ha, 250 hộ tham gia; (3) Vùng sản xuất xoài Đắk Găn, huyện Đắk Mil với tổng diện tích 343 ha, 253 hộ tham gia.

²⁷ - Nhiệm vụ “*Tham mưu xây dựng, cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chủ trì phối hợp các Sở, Ban, ngành, địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo phân cấp ngân sách của UBND tỉnh*” được giao ngày 03/01/2019 cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì nhưng báo cáo kết quả hoàn thành là đã tham mưu ban hành Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 (kết quả có trước khi được giao nhiệm vụ là không đúng và nội dung nghị quyết 06/2018/NQ-HĐND có nhiều bất cập không thể triển khai nhưng đến nay vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời);

- Nhiệm vụ “*Tham mưu UBND tỉnh về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Tham mưu đề xuất các thủ tục liên quan về giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, dồn điền đổi thửa; hướng dẫn quy định về môi trường của các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tham mưu thực hiện chính sách hỗ trợ liên quan đến đất đai cho các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư vào Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*” giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì báo cáo đã hoàn thành là chưa đúng vì chưa tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ liên quan đất đai và chưa xây dựng quy định về dồn điền, đổi thửa ruộng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Nhiệm vụ “*Chủ trì nghiên cứu thực hiện các giải pháp phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm tiêu thụ và quảng bá sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ*

cùng hoặc do quy định pháp luật thay đổi nên không triển khai được²⁸; 14 nhiệm vụ đánh giá tiếp tục triển khai nhưng chưa làm rõ kết quả cụ thể từng năm để có cơ sở tiếp tục triển khai. Đồng thời, qua rà soát 12 giải pháp trong nội dung Nghị quyết có những giải pháp không còn phù hợp với một số quy định pháp luật hiện hành²⁹ và có những giải pháp chưa triển khai³⁰. Ngoài ra, báo cáo của UBND tỉnh về giải pháp quản lý nhà nước cũng chưa bám sát theo các nội dung Nghị quyết đã thông qua³¹.

4. Kết quả bố trí các nguồn kinh phí và tình hình thanh quyết toán

Theo báo cáo “*Ngân sách tỉnh phân bổ triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 46 tỷ đồng và triển khai, thực hiện khoảng 6,3 tỷ đồng (chiếm 2,37%)*”³². Ngoài ra, các Sở, Ban, ngành và địa phương lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công để tổ chức triển khai thực hiện”.

Việc bố trí kinh phí như trên là chưa đúng nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 12/NQ-HĐND tỉnh ngày 02/8/2019 của HĐND và khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án quy hoạch vùng NNUDCNC³³. Cụ thể, nguồn lực thực hiện các nội dung Nghị quyết

cao trên địa bàn tỉnh, thực hiện các dự án khuyến công liên quan; tham mưu thực hiện giải pháp về công nghệ, máy móc, thiết bị, dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao” giao Sở Công thương chủ trì báo cáo đã hoàn thành nhưng thực tế chưa tham mưu thực hiện giải pháp về công nghệ, máy móc, thiết bị, dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Nhiệm vụ “*Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án trên địa bàn huyện, thành phố; kế hoạch cụ thể cho các hoạt động trong vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; dự kiến bố trí nguồn kinh phí, trình UBND tỉnh phê duyệt, phân công tổ chức thực hiện nhằm hoàn thành các mục tiêu cụ thể của Kế hoạch này*” giao cho UBND các huyện, thành phố chủ trì thực hiện báo cáo đã hoàn thành nhưng qua giám sát chưa có huyện, thành phố nào trình UBND tỉnh phê duyệt nguồn kinh phí.

²⁸ Như: Nhiệm vụ “*Xây dựng kế hoạch và thực hiện hỗ trợ đào tạo, thu hút, sử dụng nhân lực công nghệ cao trong nông nghiệp*” giao Sở Nội vụ chủ trì nhưng đến nay chưa triển khai, không có kết quả và nhiệm vụ này không khả thi nhưng Sở Nội vụ không báo cáo đề xuất, sửa đổi, bổ sung; Các nhiệm vụ “*Bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, hỗ trợ lãi suất tín dụng theo chính sách được phê duyệt*” giao Sở Tài chính, nhiệm vụ “*Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao*” giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, “*Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp về công nghệ, thiết bị công nghệ cao ứng dụng vào nông nghiệp*” giao Sở Khoa học và Công nghệ nhưng chưa triển khai hoặc không thể triển khai;

²⁹ như: “*Tích tụ đất đai tại các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*”, “*Xây dựng quy hoạch chi tiết vùng NNUDCNC, phát huy lợi thế sản phẩm truyền thống đặc trưng địa phương, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất*”, “*Quy hoạch xây dựng hệ thống cơ sở dịch vụ NNUDCNC gắn với quy hoạch vùng NNUDCNC, dựa trên nhu cầu sản xuất của vùng*”...;

³⁰ như: “*Quy định chế tài cụ thể trong triển khai thực hiện quy hoạch, khắc phục tình trạng sản xuất tự phát, phá vỡ quy hoạch*”, “*Tuyển chọn sinh viên xuất sắc, cán bộ trẻ có năng lực để đào tạo dài hạn trong và ngoài nước (được đài thọ toàn phần hay một phần học phí) nhằm hình thành đội ngũ chuyên viên, chuyên gia về công nghệ sinh học, kỹ thuật nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chế tạo máy móc phục vụ cho sản xuất, sơ chế, chế biến các sản phẩm nông nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển NNUDCNC*”, “*Hỗ trợ hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp, đặc biệt là với quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức nước ngoài có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến*”....

³¹ Báo cáo của UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện giải pháp quản lý nhà nước là kết quả việc sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy nhưng các nội dung trong Nghị quyết yêu cầu là:

- *Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, thông tin dự báo định hướng sản xuất gắn với thị trường và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật.*

- *Xây dựng và ban hành các quy định về quản lý sản xuất NNUDCNC và an toàn thực phẩm. Xây dựng và thực hiện tiêu chí mới trong xác định diện tích ứng dụng NNCNC đồng bộ để đề xuất chính sách và lộ trình hình thành các vùng sản xuất ứng dụng NNCNC.*

- *Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra cá nhân và các cơ sở sản xuất ứng dụng NNCNC về sử dụng hóa chất trong nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật đáp ứng quy định của pháp luật.*

- *Tăng cường công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học công nghệ: Tập huấn cho các doanh nghiệp, cá nhân về các quy định, tiêu chuẩn sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP,...; hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác, nuôi trồng đối với từng cây trồng, vật nuôi, thủy sản thuộc đối tượng ưu tiên sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao.*

- *Thực hiện tốt công tác xây dựng các mô hình sản xuất NNUDCNC đồng bộ theo đối tượng ưu tiên về công nghệ, cây trồng, vật nuôi, khả năng nhân rộng trong sản xuất và thị trường tiêu thụ.*

³² cụ thể: Năm 2018: 1,1 tỷ đồng; Năm 2019: 2,6 tỷ đồng; Năm 2020: 0,6 tỷ đồng; Năm 2021: 1,2 tỷ đồng; Năm 2022: 0,6 tỷ đồng.

³³ “*Tổng vốn đầu tư cho phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh đến năm 2035 dự kiến khoảng 7.836,62 tỷ đồng. Trong đó, vốn khu vực Nhà nước chiếm 28,3%. Tuy nhiên, vốn đầu tư để thực hiện đề án ứng dụng công nghệ cao nằm trong vốn đầu tư của đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp.*

Trong quá trình thực hiện các doanh nghiệp, các hộ, trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp trong các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phải đạt được các tiêu chí về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sau khi được tỉnh thẩm định từng hạng mục thì mới được hỗ trợ theo các hạng mục đó.”.

chỉ có vốn đầu tư và được bố trí khi các doanh nghiệp, các hộ, trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp trong các vùng NNUDCNC phải đạt được các tiêu chí về NNUDCNC, sau khi được tỉnh thẩm định từng hạng mục mới được hỗ trợ theo các hạng mục đó. Do đó, việc bố trí ngân sách tỉnh từ nguồn chi thường xuyên 6,3 tỷ đồng để chi mua sắm, thiết kế, tư vấn, tuyên truyền, tập huấn, ... là chưa phù hợp nội dung nguồn lực theo quy định. Ngoài ra, việc bố trí vốn đầu tư để xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh với số tiền 46 tỷ đồng không thuộc phạm vi nguồn lực theo Nghị quyết đề ra.

Đồng thời, qua rà soát tổng dự toán đã bố trí cho Sở Nông nghiệp và PTNT là 9,452 tỷ đồng, điều chỉnh giảm dự toán để chuyển qua nhiệm vụ chi khác là 4,279 tỷ đồng, hủy dự toán là 148 triệu đồng³⁴, số còn lại quyết toán là 5,025 tỷ đồng. Đoàn giám sát nhận thấy trong điều kiện nguồn lực các huyện bố trí kinh phí rất hạn hẹp nhưng việc quản lý, sử dụng dự toán ở cấp tỉnh hiệu quả còn chưa cao³⁵.

D. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Ưu điểm

Được sự quan tâm của các cơ quan Trung ương và sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh trong triển khai thực hiện TCCNNN và NNUDCNC đã có chuyển biến tích cực. Song song với công tác tuyên truyền, phổ biến thực hiện 02 Nghị quyết trên, các cấp, các ngành và các địa phương đã xây dựng các Kế hoạch, Nghị quyết triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo 02 Nghị quyết đề ra và đạt được một số kết quả nhất định.

Sau gần 05 năm thực hiện 02 Nghị quyết, tình hình phát triển kinh tế nông nghiệp đã có những tác động tích cực, duy trì tăng trưởng ở mức khá³⁶. Một số sản phẩm nông nghiệp đã xuất khẩu qua các thị trường khó tính của thế giới như EU, Nhật Bản và xuất bán đi một số siêu thị trong nước³⁷.

Với những kết quả đạt được, TCCNNN và phát triển NNUDCNC trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã có vai trò, ý nghĩa quan trọng, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, thúc đẩy TCCNNN; từng bước tạo được sự chuyển biến về nhận thức, phát triển nền nông nghiệp theo hướng toàn diện, phát huy lợi thế, nâng cao chất lượng và hiệu quả cao hơn; một số tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao được nhân dân áp dụng vào sản xuất.

II. Tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc

1. Tồn tại, hạn chế

³⁴ Loại trừ kinh phí xây dựng đề án năm 2017 vì Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 25/7/2018.

³⁵ Tỷ lệ điều chỉnh giảm dự toán và hủy dự toán còn cao chiếm 47% số dự toán được bố trí. Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp - PTNT và Sở Tài chính có giải trình nguyên nhân do đại dịch COVID-19 tuy nhiên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ quy định chi cắt giảm 50% kinh phí hội nghị, công tác và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên đối với số kinh phí còn lại chưa giải ngân tính đến ngày 15/6/2021. Do đó, chỉ có năm 2021 nếu chậm giải ngân trong 6 tháng đầu năm sẽ bị cắt giảm kinh phí và chủ yếu là kinh phí hội nghị với công tác phí.

³⁶ Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm, thủy sản chưa đạt mục tiêu, song ở mức khá cao, bình quân tăng 5,09%/năm; quy mô GRDP theo giá so sánh năm 2022 tăng 1.601,93 tỷ đồng so với năm 2018 và luôn giữ vai trò trụ cột trong nền kinh tế tỉnh với cơ cấu kinh tế chiếm 37,64%; hình thành 23 sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, tiềm năng và địa phương và công nhận được 04 vùng và thành lập 01 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đến hết năm 2022 toàn tỉnh hiện có trên 85 ngàn ha (ứng dụng về giống mới, tưới tiết kiệm nước, sản xuất chứng nhận, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến,...) với tổng sản lượng hàng năm ước đạt trên 404 ngàn tấn.

³⁷ Như tiêu hữu cơ tại huyện Đăk Song, mắc ca tại huyện Tuy Đức và một số loại cà phê, trái cây như sầu riêng, măng cụt, lúa, khoai lang, vôi...

- Công tác thông tin, tuyên truyền đã được các cơ quan, tổ chức quan tâm triển khai bằng nhiều hình thức, tuy nhiên về nội dung chưa có chiều sâu; chưa tạo được sức lan tỏa lớn. Bên cạnh đó, tại một số đơn vị cấp xã chưa nắm rõ các nội dung triển khai 02 Nghị quyết, định hướng phát triển ngành nông nghiệp trên địa bàn; UBND một số huyện, thành phố có ban hành kế hoạch nhưng còn chung chung, khó triển khai và chưa tổ chức giám sát, đánh giá 02 Nghị quyết sau khi ban hành. Ngoài ra, qua giám sát UBND thành phố trình HĐND thành phố ban hành 02 Nghị quyết để triển khai nhưng hình thức, trình tự ban hành văn bản không đúng theo Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tình hình TCCNNN và phát triển NNUDCNC trên địa bàn tỉnh nói chung còn chậm; tăng trưởng chưa đạt yêu cầu so với Nghị quyết đề ra. Một số chỉ tiêu không đạt, giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích thấp³⁸; chưa tạo được sự đột phá về năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; một số định hướng phát triển cây trồng (*cà phê, hồ tiêu, điều, khoai lang, ngô*), vật nuôi (*đàn bò, đàn lợn*) và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa đạt mục tiêu đề ra.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất UDCNC được chứng nhận và sản phẩm chế biến sâu thấp còn thấp; chất lượng sản phẩm chưa cao, chủ yếu chỉ qua sơ chế, chế biến thô; giá cả sản phẩm nông nghiệp còn bấp bênh, không ổn định.

- Mức độ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất vẫn còn ít, rải rác, chủ yếu mới ứng dụng từng phần, chưa tập trung, chưa đáp ứng được các tiêu chí hình thành vùng NNUDCNC theo quy định; mức độ đóng góp của nông nghiệp công nghệ cao vào tăng trưởng của ngành nông nghiệp tỉnh chưa nhiều; sản phẩm nông sản ứng dụng công nghệ cao chưa có thị trường tiêu thụ ổn định.

- Ngành nông nghiệp của tỉnh phát triển còn thiếu bền vững, tổ chức sản xuất chủ yếu vẫn dựa vào nông hộ nhỏ, thiếu liên kết trong sản xuất kinh doanh; kinh tế tập thể, hợp tác xã, dịch vụ nông nghiệp chậm phát triển.

- Nguồn lực tài chính để thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích và hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp còn ít, đặc biệt đối với lĩnh vực NNUDCNC và TCCNNN yêu cầu nguồn vốn đầu tư lớn.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng với yêu cầu, trình độ sản xuất của người lao động còn hạn chế ảnh hưởng đến việc tiếp cận khoa học - kỹ thuật trong phát triển sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra, qua giám sát thực tế tại các huyện, thành phố, một số dự án nông nghiệp sử dụng đất chậm triển khai nhưng chưa được thanh tra, kiểm tra kịp thời, trong đó dự án sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao của hộ gia đình bà Trần Thu Yến thuê đất để thực hiện tại xã Đức Xuyên, huyện Krông Nông³⁹.

2. Khó khăn, vướng mắc

³⁸ Số liệu cụ thể đã nêu ở các phần trên và các phụ lục đính kèm theo.

³⁹ UBND huyện Krông Nông ban hành Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 về việc cho hộ gia đình bà Trần Thu Yến thuê đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao tại xã Đức Xuyên, huyện Krông Nông. Tuy nhiên, đến thời điểm Đoàn giám sát tiến hành làm việc, hộ gia đình chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng thuê đất đã ký, một số diện tích đất không sử dụng đúng mục đích theo quyết định cho thuê đất nhưng UBND huyện Krông Nông chưa tiến hành kiểm tra, xử lý theo quy định.

a, Về thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh

- Theo Nghị quyết đã xác định mục tiêu, định hướng tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, ngành thủy sản, tuy nhiên trong quá trình triển khai thực tế tại địa phương người sản xuất vẫn theo xu hướng giá cả thị trường, dẫn đến một số loại nông sản đã vượt diện tích so với định hướng đề ra.

- Việc hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, nhất là xây dựng đường giao thông, hệ thống thủy lợi, điện phục vụ cho sản xuất, chế biến nông nghiệp là hết sức cần thiết, nhưng nguồn lực địa phương còn hạn hẹp nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc thu hút đầu tư.

- Vai trò quản lý nhà nước, nhất là công tác khuyến nông ở cấp xã gặp nhiều khó khăn nên cần sớm ban hành chính sách hỗ trợ cho các lực lượng không chuyên trách cấp xã, cấp thôn tham gia vào công tác khuyến nông trên địa bàn.

b, Về thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018:

- Về quỹ đất: Nhiều doanh nghiệp muốn thuê lại một quỹ đất lớn để tập trung thực hiện dự án, tuy nhiên hiện địa phương vẫn chưa có quỹ đất lớn cho doanh nghiệp thuê lại. Bên cạnh đó, phần lớn diện tích đất có nguồn gốc của các nông, lâm trường trước đây đã bị lấn, chiếm. Do đó, để thực hiện giải pháp tạo quỹ đất lớn để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Đây là một trong những “*nút thắt*” chính khiến nhiều doanh nghiệp muốn đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhưng chưa thể thực hiện.

- Về quy hoạch, định hướng phát triển vùng sản xuất NNUDCNC còn chồng lấn với các quy hoạch khác dẫn đến các thủ tục triển khai dự án gặp vướng mắc nên ảnh hưởng lớn đến việc thu hút đầu tư vào tỉnh. Qua giám sát thực tế một số mô hình, dự án nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh hiện nay đang chồng lấn với quy hoạch ưu tiên cho mục đích đất quốc phòng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050, nên một số dự án phải tạm dừng cấp phép, hoạt động; hiện trạng đường giao thông kết nối nhỏ hẹp, khó thu hút được các doanh nghiệp đầu tư, hiệu quả của dự án còn thấp⁴⁰.

- Về chính sách hỗ trợ: UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định: Số 15/2019/QĐ-UBND ngày 07/6/2019⁴¹ về ban hành quy định về hoạt động khuyến công trên địa bàn và số 10/2021/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 quy định nội dung, mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn. Qua giám sát nhận thấy, trong nội dung 02 Quyết định này có nội dung quy định các đối tượng, nội

⁴⁰ Thu hút được 23 Nhà đầu tư thực hiện các dự án về nông nghiệp công nghệ cao, trong đó: có 06 Nhà đầu tư đang triển khai thực hiện dự án; 04 Nhà đầu tư đang lấy ý kiến thẩm định hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án; 01 Nhà đầu tư xin thôi đầu tư dự án (Công ty Cổ phần ViaOrganix Việt Nam) và chấm dứt hoạt động dự án 12 Nhà đầu tư không hiệu quả.

⁴¹ Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh được ban hành trên cơ sở Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 46/2012/TT-BCT của Bộ Công thương; Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh được ban hành trên cơ sở Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT. Do đó, các cơ sở pháp lý này có một số nội dung không còn phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019).

dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương là chưa phù hợp vì thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh xem xét, quy định theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

- Về các tiêu chí công nhận vùng NNUDCNC: Ngày 25/12/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng NNUDCNC, trong đó một trong các tiêu chí công nhận vùng NNUDCNC phải là vùng *có diện tích lớn, liền vùng, liền thửa* trong địa giới hành chính một tỉnh; vùng có điều kiện tự nhiên tốt, thích hợp và cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh và khâu tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm phải liên kết theo chuỗi giá trị. Tuy nhiên, với tình hình điều kiện kinh tế tự nhiên – xã hội tại địa phương, để đảm bảo các tiêu chí nêu trên là rất khó để thực hiện, đặc biệt là tiêu chí có diện tích đất lớn, liền vùng, liền thửa.

- Do địa hình chia cắt, nhiều đồi dốc, hạ tầng cơ sở phục vụ cho nông nghiệp chưa đảm bảo nên sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, manh mún dẫn đến khó khăn trong hình thành chuỗi sản xuất và chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

c. Về nguồn vốn thực hiện 02 Nghị quyết

Tổng vốn đầu tư theo các Nghị quyết bố trí cho phát triển vùng NNUDCNC của tỉnh đến năm 2035 dự kiến khoảng 7.836 tỷ đồng và TCCNNN dự kiến khoảng 13.376 tỷ đồng (Trong đó, vốn khu vực Nhà nước 4.075 tỷ đồng chiếm 30,47%). Tuy nhiên, kết quả thực hiện chủ yếu từ lồng ghép các chương trình, dự án khác hỗ trợ cho địa phương qua các năm, còn nguồn lực địa phương⁴² khó khăn, nên chưa bố trí đảm bảo các nội dung hỗ trợ theo Nghị quyết quy định đã ảnh hưởng nhiều đến công tác tổ chức, triển khai thực hiện.

Qua rà soát một số hồ sơ thanh toán tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, việc thực hiện lựa chọn nhà thầu⁴³ là chưa phù hợp theo Luật Đấu thầu năm 2013 và Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định.

Ngoài ra, qua giám sát các Sở và UBND các huyện, thành phố bố trí, sử dụng kinh phí chi một số nội dung chi thường xuyên⁴⁴ là chưa đúng theo nội dung nguồn lực tại 02 Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh đã quy định nhưng chưa có đề xuất, kiến nghị để sửa đổi, bổ sung kịp thời.

III. Nguyên nhân

1. Nguyên nhân khách quan

- Biến đổi khí hậu và trình độ khoa học kỹ thuật cao trên thế giới trong thời

⁴² Theo báo cáo của UBND tỉnh, ngân sách tỉnh có hỗ trợ vốn đầu tư vào xây dựng Khu nông nghiệp công nghệ cao 46 tỷ đồng, bố trí nguồn sự nghiệp cho các nội dung triển khai phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hơn 05 tỷ đồng/5 năm và cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp gần 09 tỷ đồng/05 năm là ít so với nguồn lực cần phải có để đạt được các mục tiêu theo 02 Nghị quyết đề ra (lấy số thực tế quyết toán).

⁴³ Như nội dung chi “Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc điện tử, thiết kế, in ấn bao bì sản phẩm” với số tiền 690 triệu đồng⁴³ (Cụ thể tổng nguồn kinh phí theo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 671/QĐ-SNN ngày 04/9/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ định gói thầu thiết kế, in ấn bao bì sản phẩm với số tiền là 387,52 triệu đồng, thực chất gói thầu này là mua bao bì sản phẩm theo thiết kế các đơn vị in ấn cung cấp).

⁴⁴ Như thông tin tuyên truyền, tư vấn thiết kế hỗ trợ, đào tạo tập huấn, mua sắm trang bị hỗ trợ, xây dựng mô hình...

đại 4.0 đang diễn ra và phát triển nhanh, trong khi việc ứng dụng khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp của địa phương còn nhiều hạn chế.

- Hội nhập quốc tế, môi trường thương mại cạnh tranh gay gắt, nhiều quốc gia và tỉnh thành trong nước có nguồn lực đầu tư mạnh vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lĩnh vực chế biến, dịch vụ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong khi địa phương nguồn lực hạn chế, hệ thống cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ nên việc gắn kết giữa sản xuất và tiêu thụ chưa bền vững; giá cả sản phẩm không ổn định, trong khi người sản xuất nông nghiệp theo xu hướng thị trường, ít quan tâm về mặt chất lượng để có thị trường xuất khẩu ổn định.

- Trình độ người dân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn nói chung còn thấp, ảnh hưởng đến việc áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp.

- Ngân sách địa phương đa phần được đảm bảo từ ngân sách Trung ương hỗ trợ, dẫn đến việc cân đối, hỗ trợ đầu tư thêm ngoài các chính sách của Trung ương để phát triển NNUDCNC và TCCNNN trên địa bàn còn nhiều khó khăn.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Các Sở, Ban, ngành có liên quan⁴⁵ chưa chú trọng đến việc triển khai 02 Nghị quyết, chưa ban hành văn bản, kế hoạch, chương trình công tác hàng năm gắn với việc triển khai cụ thể 02 Nghị quyết tại cơ quan, đơn vị theo nhiệm vụ UBND tỉnh đã giao. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản, kế hoạch triển khai cho phù hợp với một số quy định pháp luật đã sửa đổi, bổ sung và tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương.

- Một số chỉ tiêu đề ra trong 02 Nghị quyết chưa sát với điều kiện thực tế địa phương⁴⁶ nhưng chưa đề xuất sửa đổi, điều chỉnh kịp thời.

- Đối với các nhiệm vụ đã được UBND tỉnh giao cụ thể tại Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 có một số nội dung chưa hoàn thành hoặc không thể triển khai nhưng chưa tổ chức họp đánh giá cụ thể để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

- Công tác xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư của tỉnh chưa đủ mạnh, chưa đồng bộ, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp và còn chậm sửa đổi, bổ sung để khuyến khích người dân đầu tư vào ngành nông nghiệp nói chung và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nói riêng.

- Công tác quy hoạch, định hướng sản xuất chưa phát huy hiệu quả; dự báo thị trường còn yếu; các khâu sản xuất, chế biến, bảo quản gắn kết thị trường tiêu thụ chưa đồng bộ, thiếu bền vững; việc ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ ở

⁴⁵ Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Lao động – TB&XH.

⁴⁶ Như định hướng phát triển 100 ha chăn nuôi bò tại phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; 250 ha tại xã Đăk R’Tih, Quảng Tâm, huyện Tuy Đức chưa phù hợp với quy hoạch chung đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch khoáng sản; khu nông nghiệp công nghệ cao chông lấn quy hoạch ưu tiên cho mục đích quốc phòng...

một số vùng chưa theo kịp yêu cầu thực tế sản xuất; công tác triển khai các mô hình thí điểm chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

- Công tác phân bổ, bố trí sử dụng nguồn vốn chưa được quan tâm đúng mức theo Nghị quyết đề ra, một số nhiệm vụ chi còn thiếu sót, hiệu quả chưa cao; các huyện, thành phố chưa quan tâm bố trí kinh phí để triển khai các nhiệm vụ được giao.

- Công tác thu hút, tuyển chọn, đào tạo nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng cao chưa đáp ứng với yêu cầu trong công tác quản lý cũng như hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Trong tổ chức triển khai thực hiện, UBND tỉnh chưa định kỳ báo cáo HĐND tỉnh kết quả triển khai thực hiện theo nội dung Nghị quyết đã quy định và các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện 02 Nghị quyết; Bên cạnh đó, công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ, dẫn đến một số nội dung khó khăn, vướng mắc chưa kịp thời giải quyết, đặc biệt là trách nhiệm đã giao cho một số cơ quan được chủ trì.

E. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. Đối với UBND tỉnh

1. Kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ xem xét, sửa đổi Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số tiêu chí công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho phù hợp với điều kiện, tình hình kinh tế địa phương; chỉ đạo các Bộ, ngành sớm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy hoạch khoáng sản ảnh hưởng đến việc triển khai nhiều dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, trong đó có các dự án đầu tư về lĩnh vực nông nghiệp; quan tâm, sớm bố trí kinh phí cho địa phương để triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án thuộc ngành nông nghiệp đã được phê duyệt; chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu tham mưu Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế rừng, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng diện tích đất đang bị lấn, chiếm thuộc quy hoạch lâm nghiệp.

2. Đánh giá nghiêm túc, đầy đủ việc tổ chức thực hiện 02 Nghị quyết của HĐND tỉnh để xem xét kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo đúng chủ trương chỉ đạo tại Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 23/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII; Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 17/8/2022 của Tỉnh ủy và phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế tại địa phương.

3. Kiểm tra, đánh giá hiệu quả và sớm xử lý các khó khăn, vướng mắc tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh nhằm phát huy hiệu quả của dự án như mục tiêu đề ra.

4. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, kiểm tra không bố trí, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2023 để chi các nội dung không đúng theo 02 Nghị quyết quy định; tập trung nguồn lực để đối ứng 03 Chương trình mục tiêu

quốc gia, vì hiện nay các chương trình mục tiêu quốc gia có hỗ trợ nhiều lĩnh vực nông nghiệp.

5. Chỉ đạo các Sở, Ban, ngành nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc triển khai 02 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; tổ chức kiểm tra, rà soát đánh giá cụ thể trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ đã được UBND tỉnh giao cho từng đơn vị, địa phương tại Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh.

6. Nghiên cứu sửa đổi Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 và Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh cho phù hợp với các quy định Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan đánh giá kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

8. Chỉ đạo tăng cường thanh tra, kiểm tra các dự án nông nghiệp trên địa bàn nhằm tránh thất thoát ngân sách Nhà nước.

9. Tổ chức thanh tra toàn diện dự án sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao của hộ gia đình bà Trần Thu Yến tại huyện Krông Nô để xử lý theo quy định của pháp luật.

10. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu trình cấp có thẩm quyền có chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp; chính sách hỗ trợ cho công tác khuyến nông (tập trung hỗ trợ cho các cán bộ không chuyên trách ở cơ sở để tham gia công tác khuyến nông cấp xã trên địa bàn) theo quy định.

II. Đối với HĐND và UBND các huyện, thành phố

1. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐND tỉnh, sự chỉ đạo của UBND tỉnh về lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp. Đặc biệt là công tác lập kế hoạch đưa Nghị quyết vào cuộc sống gắn với công tác kiểm tra, giám sát.

2. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn chỉnh các chương trình, kế hoạch, quy hoạch có liên quan phục vụ phát triển nông nghiệp trên địa bàn bảo đảm hiệu quả, khả thi, phù hợp, sát với tình hình thực tiễn.

3. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã, phường, thị trấn tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp; thường xuyên thực hiện thanh tra, kiểm tra các dự án nông nghiệp trên địa bàn.

4. Bố trí nguồn lực để thực hiện tốt các đề án, chủ trương liên quan đến tái cơ cấu ngành nông nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 và Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, trước khi trình HĐND tỉnh tại kỳ họp./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBKT, Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các thành viên Đoàn giám sát;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- Thành ủy và các huyện ủy;
- HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo các phòng chuyên môn;
- Công khai Website cơ quan;
- Lưu: VT, CTHĐND (vh).

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Y Quang BKrông**